

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH chính quy (tín chỉ) - Ngành Ngôn ngữ Anh (TM-DL) - K.16 đến K.19 (TNDAN116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119380390	Lê Thị Như	Ý	Nữ	24/11/2001	DAN1196	133	3.46	Giỏi
2	3119380233	Lê Thị Trúc	Phương	Nữ	07/03/2001	DAN1196	133	3.05	Khá
3	3119380130	Nguyễn Huỳnh Hải	Lam	Nữ	23/05/2001	DAN1192	133	2.75	Khá
4	3119380194	Thái Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	23/09/2001	DAN1196	134	3.16	Khá
5	3119380256	Trần Đoàn Lam	Son	Nam	06/08/2001	DAN1196	134	3.03	Khá
6	3119380363	Tê Thanh	Uyên	Nữ	10/12/2001	DAN1193	133	3.20	Giỏi
7	3119380359	Nguyễn Huỳnh Khánh	Uyên	Nữ	14/03/2001	DAN1196	133	3.52	Giỏi
8	3119380217	Nguyễn Song Yến	Như	Nữ	14/08/2001	DAN1195	133	2.89	Khá
9	3119380364	Trần Tú	Uyên	Nữ	06/04/2001	DAN1194	134	3.26	Giỏi
10	3119380159	Trần Ngọc	Minh	Nữ	01/07/2001	DAN1191	133	3.05	Khá
11	3119380366	Nguyễn Phan Thảo	Vân	Nữ	05/06/2001	DAN1196	133	3.38	Giỏi
12	3119380374	Lý Quốc	Vương	Nam	16/04/2001	DAN1196	133	3.15	Khá
13	3119380102	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	21/03/2001	DAN1194	133	2.98	Khá
14	3119380231	Cao Minh	Phước	Nam	21/01/2001	DAN1194	133	3.22	Giỏi
15	3119380286	Cún Thượng	Thuận	Nam	12/10/2001	DAN1196	133	3.44	Giỏi
16	3119380311	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	15/06/2001	DAN1193	133	3.22	Giỏi
17	3119380252	Chung Bích	San	Nữ	29/12/2001	DAN1192	133	3.34	Giỏi
18	3119380270	Vân Thị Thanh	Thảo	Nữ	25/11/2001	DAN1195	133	3.26	Giỏi
19	3119380122	Trương Đoàn Như	Khanh	Nữ	06/02/2001	DAN1192	133	3.44	Giỏi
20	3119380031	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	06/01/2001	DAN1191	133	2.73	Khá
21	3119380076	Vương Tấn	Hải	Nam	13/10/2001	DAN1192	133	2.98	Khá
22	3119380003	Huỳnh Thị Ngọc	Anh	Nữ	24/10/2001	DAN1192	133	3.55	Giỏi
23	3119380135	Nguyễn Thị Mai	Linh	Nữ	20/10/2001	DAN1195	133	3.43	Giỏi
24	3119380054	Huỳnh Minh	Đạt	Nam	10/06/2001	DAN1192	133	3.65	Xuất sắc
25	3119380387	Võ Ngọc Tường	Vy	Nữ	21/03/2001	DAN1193	133	3.20	Giỏi
26	3119380099	Nguyễn Trần Lê	Hoa	Nữ	05/10/2001	DAN1192	133	3.17	Khá
27	3119380261	Lê Thoại	Tân	Nam	01/11/2001	DAN1193	133	3.26	Giỏi
28	3119380303	Nguyễn Hoài	Thương	Nam	03/05/2001	DAN1192	133	3.13	Khá
29	3119380097	Nguyễn Hồng	Hoa	Nữ	02/08/2001	DAN1197	133	2.95	Khá
30	3119380243	Lưu Hoàng	Quốc	Nam	17/07/2001	DAN1192	134	3.43	Giỏi
31	3119380192	Phan Hồng	Ngọc	Nữ	05/03/2001	DAN1194	133	3.21	Giỏi
32	3119380358	Đỗ Ngọc Phương	Uyên	Nữ	07/07/2001	DAN1195	133	3.45	Giỏi
33	3119380092	Trương Thu	Hiền	Nữ	26/10/2001	DAN1192	133	3.26	Giỏi
34	3119380107	Đoàn Thanh	Huy	Nam	07/12/2001	DAN1192	133	2.92	Khá
35	3119380352	Hoàng Thị	Tuyết	Nữ	09/12/2000	DAN1196	133	3.21	Giỏi
36	3119380105	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	09/01/2001	DAN1197	133	3.47	Giỏi
37	3119380247	Trần Chấn	Quyền	Nam	05/12/2000	DAN1195	134	3.10	Khá
38	3119380209	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	12/12/2001	DAN1195	133	3.34	Giỏi
39	3119380290	Trần Thanh	Thúy	Nữ	01/10/2001	DAN1193	133	3.57	Giỏi
40	3119380289	Tống Thị Diễm	Thúy	Nữ	21/02/2001	DAN1192	133	3.62	Xuất sắc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH chính quy (tín chỉ) - Ngành Ngôn ngữ Anh (TM-DL) - K.16 đến K.19 (TNDAN116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
41	3119380004	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	26/02/2001	DAN1193	133	3.26	Giỏi
42	3119380296	Nguyễn Đỗ Minh	Thư	Nữ	10/03/2001	DAN1192	135	3.04	Khá
43	3119380272	Nguyễn Trương Ngọc	Thắm	Nữ	10/12/2001	DAN1197	134	3.11	Khá
44	3119380197	Trương Thị Như	Ngọc	Nữ	11/08/2001	DAN1192	137	2.96	Khá
45	3119380201	Nguyễn Đặng Tiến	Nguyên	Nam	08/08/2001	DAN1196	134	3.46	Giỏi
46	3119380251	Lưu Diễm	Quỳnh	Nữ	21/07/2001	DAN1191	134	3.24	Giỏi
47	3119380186	Lê Mạn	Ngọc	Nữ	25/02/2001	DAN1196	134	3.37	Giỏi
48	3119380385	Trần Thanh	Vy	Nữ	21/08/2001	DAN1191	134	2.95	Khá
49	3119380292	Đỗ Anh	Thư	Nữ	29/08/2001	DAN1195	133	3.38	Giỏi
50	3119380148	Nguyễn Phước Minh	Luận	Nam	08/10/2001	DAN1194	133	2.91	Khá

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH CQ - Ngành Công nghệ KTMT (chuyên ngành CN xử lý nước) - K.17 đến 19 (TNDCM117N)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 150

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119341024	Lê Minh	Thuận	Nam	15/11/2001	DCM1191	151	3.42	Giỏi
2	3119341029	Phạm Thị Ngọc	Trân	Nữ	13/08/2001	DCM1191	151	3.49	Giỏi
3	3119341030	Nguyễn Văn	Trọng	Nam	15/11/2001	DCM1191	151	3.21	Giỏi

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ DH CQ (tín chỉ) - Ngành Công nghệ thông tin (CN Hệ thống thông tin) - K.17 đến 19 (TNDCT17H)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 150

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119410099	Thang Hùng	Đức	Nam	01/12/2001	DCT1197	151	2.74	Khá

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH CQ (tín chỉ) - Ngành Công nghệ thông tin (CN Kỹ thuật phần mềm) - K.17 đến 19 (TNDCT17P)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 150

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119410044	Huỳnh Thị Hồng	Chi	Nữ	22/11/2001	DCT1195	151	3.42	Giỏi
2	3119410508	Thái Huỳnh Như	Ý	Nữ	19/07/2001	DCT1195	151	3.40	Giỏi
3	3119410131	Phan Thế	Hiếu	Nam	11/01/2001	DCT1193	151	3.13	Khá
4	3119410012	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	03/12/2001	DCT1193	151	3.11	Khá
5	3119410022	La Chí	Bàng	Nam	02/04/2001	DCT1193	151	3.28	Giỏi
6	3119410433	Đoàn Trung	Tín	Nam	01/04/2001	DCT1196	151	2.61	Khá
7	3119410448	Phạm Thị Ngọc	Trâm	Nữ	03/01/2001	DCT1194	151	3.60	Xuất sắc
8	3119410502	Phạm Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	09/09/2001	DCT1196	151	3.19	Khá

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH chính quy (tín chỉ) - Ngành Giáo dục Mầm non - K.16 đến K.19 (TNDGM116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119190018	Lý Gia	Huệ	Nữ	11/08/2001	DGM1191	133	3.18	Khá

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH chính quy - Ngành GD Tiểu học - K.18 đến K.19 (TNDGT118)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119150103	Nguyễn Tuyết	Nhung	Nữ	16/03/2001	DGT1191	133	3.43	Giỏi
2	3118150056	Trần Huệ	Linh	Nữ	08/02/2000	DGT1191	135	3.16	Khá
3	3119150122	Phạm Thúy	Quỳnh	Nữ	30/04/2001	DGT1191	133	3.25	Giỏi
4	3118150061	Đào Thúy	Nga	Nữ	16/05/2000	DGT1191	136	3.03	Khá
5	3119150138	Trương Lê Ngân	Thảo	Nữ	13/07/2001	DGT1192	133	3.17	Khá
6	3119150019	Châu Thị Kiều	Diễm	Nữ	22/08/2001	DGT1192	133	3.20	Giỏi
7	3119150012	Vũ Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	20/09/2001	DGT1191	133	3.32	Giỏi

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ DH chính quy (tín chỉ) - Ngành Kế toán - K.16 đến K.19 (TNDKE116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 131

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119320414	Phan Thị Phương	Thi	Nữ	14/02/2001	DKE1192	133	2.99	Khá
2	3119320575	Nguyễn Ngọc Như	Ý	Nữ	24/07/2001	DKE1192	133	3.08	Khá
3	3118320192	Nguyễn Ngọc Minh	Mỹ	Nữ	22/06/2000	DKE1191	132	2.53	Khá
4	3119320007	Trần Ngọc Xuân	An	Nữ	14/10/2001	DKE1195	133	2.90	Khá
5	3119320265	Phạm Thanh	Ngân	Nữ	19/02/2001	DKE1193	133	2.72	Khá
6	3119320434	Đoàn Minh	Thư	Nữ	04/09/2001	DKE1193	133	3.60	Xuất sắc
7	3119320420	Phùng Thị Hồng	Thom	Nữ	23/10/2001	DKE1197	133	3.33	Giỏi
8	3119320507	Nguyễn Thị Diễm	Trình	Nữ	05/11/2001	DKE1193	133	2.94	Khá
9	3119320228	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	31/08/2001	DKE1198	133	2.71	Khá
10	3119320492	Phạm Thiện Ngọc	Trâm	Nữ	07/11/2001	DKE1198	133	2.80	Khá
11	3119320299	Nguyễn Hải Thực	Nhi	Nữ	02/03/2001	DKE1197	133	2.23	Trung bình
12	3119320537	Hồ Thị Thanh	Vân	Nữ	25/10/2001	DKE1194	133	3.40	Giỏi
13	3119320368	Trần Thị Thanh	Quý	Nữ	17/11/2001	DKE1194	136	2.86	Khá
14	3119320483	Trần Ngọc Thùy	Trang	Nữ	17/04/2001	DKE1198	133	3.32	Giỏi
15	3119320182	Nguyễn Thị Trúc	Hương	Nữ	21/04/2001	DKE1193	135	3.63	Xuất sắc
16	3119320351	Võ Thị Kim	Phụng	Nữ	12/01/2001	DKE1198	133	3.21	Giỏi
17	3119320448	Phan Ngọc Anh	Thư	Nữ	24/05/2001	DKE1196	133	2.92	Khá
18	3119320136	Vũ Gia	Hân	Nữ	28/10/2001	DKE1197	133	2.89	Khá
19	3119320423	Phạm Lê Xuân	Thùy	Nữ	05/05/2001	DKE1191	133	3.29	Giỏi
20	3119320382	Phạm Thành	Sang	Nam	11/11/2001	DKE1198	133	3.14	Khá
21	3119320430	Trương Minh	Thúy	Nữ	21/06/2001	DKE1198	133	3.28	Giỏi
22	3119320070	Lai Kỳ	Duyên	Nữ	02/01/2001	DKE1196	135	2.53	Khá
23	3119320150	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	07/01/2001	DKE1199	133	2.90	Khá
24	3119320407	Lê Thị Ngọc	Thắm	Nữ	16/11/2001	DKE1194	133	3.22	Giỏi
25	3119320320	Trần Thị Tuyết	Nhung	Nữ	06/01/2001	DKE1197	133	2.63	Khá
26	3119320488	Nguyễn Hồng Bảo	Trâm	Nữ	20/02/2001	DKE1194	133	2.56	Khá
27	3119320298	Huỳnh Thị Yến	Nhi	Nữ	13/12/2001	DKE1196	136	3.43	Giỏi
28	3119320171	Hoàng Khánh	Huyền	Nữ	09/05/2001	DKE1192	133	3.32	Giỏi
29	3119320527	Trần Thanh	Tuyền	Nữ	06/08/2001	DKE1193	136	3.42	Giỏi
30	3119320517	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	28/05/2001	DKE1193	133	3.50	Giỏi
31	3119320225	Cù Thị Thanh	Mai	Nữ	11/06/2001	DKE1195	133	3.11	Khá
32	3119320167	Huỳnh Quang	Huy	Nam	18/10/2001	DKE1198	136	2.44	Trung bình
33	3119320528	Trần Thị Kim	Tuyền	Nữ	08/08/2001	DKE1194	133	3.12	Khá
34	3119320141	Trương Trần Diệu	Hiền	Nữ	21/01/2001	DKE1192	133	2.90	Khá
35	3119320393	Hà Hoàng Phương	Thảo	Nữ	21/06/2001	DKE1199	133	2.53	Khá
36	3119320338	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	25/02/2001	DKE1195	133	3.26	Giỏi
37	3119320022	Nguyễn Thị Thái	Anh	Nữ	19/05/2001	DKE1191	133	2.50	Khá
38	3119320447	Phạm Minh	Thư	Nữ	05/01/2001	DKE1195	133	2.92	Khá
39	3119320576	Nguyễn Xuân Như	Ý	Nữ	31/10/2001	DKE1193	133	3.17	Khá
40	3119320280	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	26/01/2001	DKE1199	133	2.46	Trung bình

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH chính quy (tín chỉ) - Ngành Kế toán - K.16 đến K.19 (TNDKE116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 131

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
41	3119320533	Ngô Thảo	Uyên	Nữ	27/10/2001	DKE1199	136	3.00	Khá
42	3119320273	Huỳnh Thị Minh	Ngọc	Nữ	20/04/2001	DKE1192	144	2.47	Trung bình
43	3119320204	Nguyễn Thị Thúy	Liều	Nữ	27/10/2001	DKE1198	133	3.26	Giỏi
44	3119320455	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	13/09/2001	DKE1194	133	2.82	Khá
45	3119320476	Bùi Kiều	Trang	Nữ	11/09/2001	DKE1193	133	3.35	Giỏi
46	3119320117	Trần Thị Hồng	Hạnh	Nữ	15/03/2001	DKE1191	133	3.23	Giỏi
47	3119320145	Giang Xuân	Hoa	Nữ	22/03/2001	DKE1195	135	2.33	Trung bình
48	3119320311	Vũ Nguyễn Thanh	Nhi	Nữ	27/12/2001	DKE1198	144	2.73	Khá
49	3119320073	Nguyễn Hoàng Phương	Duyên	Nữ	13/09/2001	DKE1199	133	3.05	Khá
50	3119320429	Phan Thị Thanh	Thúy	Nữ	15/03/2001	DKE1197	133	2.71	Khá
51	3119320571	Võ Thị Tường	Vy	Nữ	18/01/2001	DKE1198	133	2.82	Khá
52	3119320439	Lê Ngọc Minh	Thư	Nữ	30/08/2001	DKE1197	133	2.28	Trung bình
53	3119320564	Nguyễn Thị Thảo	Vy	Nữ	20/03/2001	DKE1191	133	3.43	Giỏi
54	3119320585	Trần Lê Hải	Yến	Nữ	06/01/2001	DKE1193	133	2.92	Khá
55	3119320494	Trần Vũ Ngọc	Trâm	Nữ	02/04/2001	DKE1191	133	2.92	Khá
56	3119320395	Lê Phương	Thảo	Nữ	28/12/2001	DKE1192	133	2.60	Khá
57	3119320460	Huỳnh Thị Phương	Thy	Nữ	09/08/2001	DKE1198	133	3.32	Giỏi
58	3119320426	Nguyễn Thị Lệ	Thúy	Nữ	04/10/2001	DKE1194	133	2.83	Khá
59	3119320541	Võ Thị	Vân	Nữ	10/02/2001	DKE1198	133	3.28	Giỏi
60	3119320587	Trần Thị Hải	Yến	Nữ	11/01/2001	DKE1195	133	3.01	Khá
61	3119320301	Nguyễn Hồng	Nhi	Nữ	02/01/2001	DKE1199	133	3.07	Khá
62	3119320358	Nguyễn Ngọc Yến	Phương	Nữ	20/03/2001	DKE1195	133	3.35	Giỏi
63	3119320220	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	29/11/2001	DKE1194	133	3.10	Khá
64	3119320139	Lê Thị Bích	Hiền	Nữ	25/11/2001	DKE1199	133	2.98	Khá
65	3119320584	Trần Hoàng Hải	Yến	Nữ	14/07/2001	DKE1192	133	3.43	Giỏi
66	3119320137	Nguyễn Thị Thu	Hậu	Nữ	22/07/2001	DKE1198	133	3.41	Giỏi
67	3119320133	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	27/01/2001	DKE1194	133	3.17	Khá
68	3119320269	Trần Ngọc Phương	Ngân	Nữ	20/12/2001	DKE1197	135	3.07	Khá
69	3119320495	Trần Thị Hoàng	Trâm	Nữ	14/05/2001	DKE1192	133	2.86	Khá
70	3119320514	Hồ Thị Thùy	Trúc	Nữ	06/09/2001	DKE1199	133	3.48	Giỏi
71	3119320506	Lê Thảo	Trình	Nữ	15/09/2001	DKE1192	133	2.96	Khá
72	3119320262	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	Nữ	30/03/2001	DKE1191	133	2.53	Khá
73	3119320487	Lê Ngọc	Trâm	Nữ	03/03/2001	DKE1193	133	3.51	Giỏi
74	3119320230	Nguyễn Thị Hiền	Mai	Nữ	25/11/2001	DKE1191	133	3.07	Khá
75	3119320405	Vũ Phương	Thảo	Nữ	28/06/2001	DKE1192	136	3.43	Giỏi
76	3119320161	Nguyễn Thúy	Hồng	Nữ	05/11/2001	DKE1192	133	2.95	Khá
77	3119320385	Kiều Thị Kim	Thanh	Nữ	06/11/2001	DKE1192	133	2.81	Khá
78	3119320148	Bùi Thị Khánh	Hòa	Nữ	29/01/2001	DKE1197	133	3.45	Giỏi
79	3119320271	Gịp Mỹ	Ngọc	Nữ	10/04/2001	DKE1199	133	2.49	Trung bình
80	3119320588	Võ Ngọc	Yến	Nữ	30/07/2001	DKE1196	133	2.81	Khá
81	3119320477	Huỳnh Bảo	Trang	Nữ	04/09/2001	DKE1194	133	3.25	Giỏi
82	3119320019	Nguyễn Ngọc Vàng	Anh	Nữ	06/06/2001	DKE1197	133	3.05	Khá
83	3119320373	Trần Vũ	Quyên	Nữ	03/12/2001	DKE1199	138	3.24	Giỏi
84	3119320383	Nguyễn Đại Phát	Tài	Nam	22/07/2001	DKE1199	133	3.09	Khá
85	3119320254	Bùi Ngọc Quỳnh	Ngân	Nữ	25/12/2001	DKE1194	133	2.56	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH chính quy (tín chỉ) - Ngành Kế toán - K.16 đến K.19 (TNDKE116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 131

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
86	3119320478	Lê Minh	Trang	Nữ	15/04/2001	DKE1195	133	2.67	Khá
87	3119320491	Nguyễn Trần Ngọc	Trâm	Nữ	10/01/2001	DKE1197	133	3.11	Khá
88	3119320391	Cao Thị Hương	Thảo	Nữ	28/08/2001	DKE1197	133	3.03	Khá
89	3119320401	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	30/03/2001	DKE1197	133	3.14	Khá
90	3119320337	Lê Thị Thủy	Oanh	Nữ	23/04/2001	DKE1194	133	3.38	Giỏi
91	3119320521	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	09/03/2001	DKE1197	133	3.59	Giỏi
92	3119320347	Dương Hoàn	Phụng	Nữ	14/11/2001	DKE1194	133	2.75	Khá
93	3119320479	Nguyễn Trần Thùy	Trang	Nữ	16/01/2001	DKE1196	133	3.05	Khá
94	3119320256	Hà Thị Kim	Ngân	Nữ	28/06/2001	DKE1196	133	2.79	Khá
95	3119320181	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	28/10/2001	DKE1192	133	3.32	Giỏi
96	3119320558	Nguyễn Chê Lan	Vy	Nữ	28/06/2001	DKE1194	133	3.21	Giỏi
97	3119320490	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	02/03/2001	DKE1196	133	2.65	Khá
98	3119320519	Phạm Hứa Nhã	Trúc	Nữ	15/09/2001	DKE1195	133	2.21	Trung bình
99	3119320342	Lê Thị Mỹ	Phi	Nữ	06/01/2001	DKE1198	133	2.78	Khá
100	3119320516	Nguyễn Thị	Trúc	Nữ	11/01/2001	DKE1192	136	2.64	Khá
101	3119320524	Nguyễn Ngọc Kim	Tuyền	Nữ	26/11/2001	DKE1199	133	2.56	Khá
102	3119320562	Nguyễn Nhật	Vy	Nữ	31/05/2001	DKE1198	133	2.72	Khá
103	3119320568	Trần Lâm Thanh	Vy	Nữ	28/11/2001	DKE1195	133	2.77	Khá
104	3119320441	Lương Trịnh Minh	Thư	Nữ	09/12/2001	DKE1199	133	2.80	Khá
105	3119320166	Nguyễn Quốc	Hùng	Nam	01/07/2001	DKE1197	133	2.77	Khá
106	3119320142	Trần Ngọc	Hiệp	Nữ	02/01/2001	DKE1193	136	2.93	Khá
107	3119320481	Phan Thị Thùy	Trang	Nữ	18/06/2001	DKE1197	133	2.74	Khá
108	3119320340	Đỗ Thị Hồng	Phấn	Nữ	07/11/2001	DKE1196	133	3.34	Giỏi
109	3119320227	Lê Thị Thanh	Mai	Nữ	13/01/2001	DKE1197	133	2.72	Khá
110	3119320538	Lưu Thanh	Vân	Nữ	12/02/2001	DKE1195	133	3.26	Giỏi
111	3119320522	Trần Minh	Tú	Nữ	28/07/2001	DKE1198	133	3.53	Giỏi
112	3119320381	Du Tuệ	San	Nữ	15/05/2001	DKE1197	133	2.83	Khá
113	3119320463	Lê Thị Cẩm	Tiên	Nữ	10/06/2001	DKE1191	133	3.66	Xuất sắc
114	3119320412	Nguyễn Thị Huyền	Thi	Nữ	30/06/2001	DKE1199	133	2.77	Khá
115	3119320349	Lê Thị Mỹ	Phụng	Nữ	15/01/2001	DKE1196	133	2.99	Khá
116	3119320536	Cao Hồ Hồng	Vân	Nữ	26/02/2001	DKE1193	133	2.87	Khá
117	3119320274	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	Nữ	20/11/2001	DKE1193	133	2.53	Khá
118	3119320275	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	Nữ	27/05/2001	DKE1194	133	3.38	Giỏi
119	3119320210	Lê Huỳnh Ngọc	Linh	Nữ	10/01/2001	DKE1194	133	2.65	Khá
120	3119320297	Hoàng Yến	Nhi	Nữ	05/01/2001	DKE1195	133	2.86	Khá
121	3119320399	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	12/09/2001	DKE1195	136	3.38	Giỏi
122	3119320267	Trần Kim	Ngân	Nữ	25/03/2001	DKE1195	136	2.64	Khá
123	3119320540	Phạm Thị Thanh	Vân	Nữ	03/01/2001	DKE1197	136	3.30	Giỏi
124	3119320124	Phạm Thị Thúy	Hằng	Nữ	09/01/2001	DKE1195	138	3.29	Giỏi
125	3119320058	Nguyễn Thị Thùy	Diễm	Nữ	01/07/2001	DKE1194	133	2.92	Khá
126	3119320065	Phạm Thị	Dung	Nữ	11/12/2001	DKE1191	133	2.56	Khá
127	3119320236	Trần Thị Ngọc	Mi	Nữ	30/05/2001	DKE1197	133	2.35	Trung bình
128	3119320018	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	11/12/2001	DKE1196	133	2.71	Khá
129	3119320292	Cao Thị Yến	Nhi	Nữ	23/11/1999	DKE1191	133	3.30	Giỏi
130	3119320503	Võ Ngọc Hoài	Trần	Nữ	05/10/2001	DKE1199	133	2.71	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH chính quy (tín chỉ) - Ngành Kế toán - K.16 đến K.19 (TNDKE116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 131

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
131	3119320006	Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	07/06/2001	DKE1194	133	2.62	Khá
132	3119320028	Võ Hoàng Vân	Anh	Nữ	03/04/2001	DKE1196	133	3.38	Giỏi

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ DH chính quy - Ngành SP Khoa học tự nhiên - K.19 (TNDKH119)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 136

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119210014	Nguyễn Phước Hồng	Ngọc	Nữ	20/10/2001	DKH1191	136	3.10	Khá
2	3119210026	Trần Kim	Xuân	Nữ	11/07/2001	DKH1191	136	3.41	Giỏi

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH CQ (tín chỉ) - Ngành Kỹ thuật phần mềm - K.18 đến 19 (TNDKP118)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 150

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119560034	Ngô Công	Lâm	Nam	06/05/2001	DKP1191	157	2.96	Khá

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH chính quy (tín chỉ) - Ngành Kinh doanh quốc tế - K.18 đến K.19 (TNDKQ118)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119550016	Vũ Song Thúy	Hiền	Nữ	10/10/2001	DKQ1191	133	3.43	Giỏi
2	3119550003	Nguyễn Ngọc Huệ	Anh	Nữ	02/02/2001	DKQ1191	133	3.38	Giỏi
3	3119550047	Trịnh Thị Thùy	Phương	Nữ	23/04/2001	DKQ1191	133	3.18	Khá
4	3119550060	Huỳnh Thị Kim	Thom	Nữ	05/12/2001	DKQ1191	133	3.65	Xuất sắc
5	3119550024	Nguyễn Diễm	Kiều	Nữ	21/10/2001	DKQ1191	133	3.30	Giỏi
6	3119550042	Phạm Thị Quỳnh	Như	Nữ	22/01/2001	DKQ1191	133	2.72	Khá
7	3119550033	Võ Huỳnh Thanh	Mỹ	Nữ	05/09/2001	DKQ1191	133	3.49	Giỏi
8	3119550007	Huỳnh Thị Mỹ	Bình	Nữ	16/04/2001	DKQ1191	133	3.35	Giỏi
9	3119550025	Trần Mỹ	Kim	Nữ	15/10/2001	DKQ1191	133	3.30	Giỏi
10	3119550055	Trần Thị Thanh	Thảo	Nữ	25/10/2001	DKQ1191	133	3.20	Giỏi
11	3119550043	Trần Lê Quỳnh	Như	Nữ	28/07/2001	DKQ1191	133	2.59	Khá
12	3119550082	Võ Xuân	Uyên	Nữ	06/11/2001	DKQ1191	133	3.22	Giỏi
13	3119550029	Trương Thị Hồng	Lựu	Nữ	19/02/2001	DKQ1191	133	3.16	Khá
14	3119550028	Nguyễn Thị Kim	Loan	Nữ	12/03/2001	DKQ1191	133	3.23	Giỏi
15	3119550058	Tạ Ngọc	Thắng	Nam	30/10/2001	DKQ1191	133	3.08	Khá
16	3119550012	Dương Trần Hà	Giang	Nữ	14/07/2001	DKQ1191	133	3.35	Giỏi
17	3119550035	Phan Thu	Ngân	Nữ	26/09/2001	DKQ1191	135	2.83	Khá
18	3119550006	Võ Thị	Biết	Nữ	16/09/2001	DKQ1191	133	3.13	Khá
19	3119550051	Phạm Quang	Tài	Nam	03/01/2001	DKQ1191	133	3.27	Giỏi
20	3119550045	Lê Hữu	Phước	Nam	14/08/2001	DKQ1191	133	3.17	Khá
21	3119550048	Lê Thị Lệ	Quyên	Nữ	25/08/2001	DKQ1191	133	2.80	Khá
22	3119550052	Nguyễn Hoàng Tuệ	Tâm	Nữ	01/12/2001	DKQ1191	133	2.99	Khá
23	3119550037	Huỳnh Nguyễn Mộng	Ngọc	Nữ	18/06/2001	DKQ1191	133	2.95	Khá
24	3119550069	Vũ Hoài	Thương	Nữ	08/11/2001	DKQ1191	133	2.87	Khá
25	3119550008	La Thanh	Châu	Nữ	12/10/2001	DKQ1191	133	2.84	Khá
26	3119550015	Cao Thị Kim	Hậu	Nữ	24/06/2001	DKQ1191	133	3.09	Khá
27	3119550065	Nguyễn Khánh	Thư	Nữ	10/10/2001	DKQ1191	133	2.80	Khá
28	3119550038	Lê Thị Kim	Ngọc	Nữ	16/08/2001	DKQ1191	133	3.41	Giỏi
29	3119550013	Đặng Minh	Hà	Nữ	02/09/2001	DKQ1191	133	3.42	Giỏi

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH CQ (tín chỉ) - Ngành Luật (CN Luật hành chính) - K.16 đến K.19 (TNDLU16H)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119430162	Nguyễn Võ Thảo	Trần	Nữ	16/04/2001	DLU1192	133	3.05	Khá
2	3119430014	Bùi Thị Kiều	Ánh	Nữ	30/04/2001	DLU1192	133	2.84	Khá
3	3119430181	Trần Nguyễn Tú	Uyên	Nữ	24/04/2001	DLU1192	133	3.29	Giỏi
4	3119430061	Võ Trọng	Kha	Nam	05/07/2001	DLU1191	133	2.74	Khá
5	3119430137	Trần Đặng Minh	Thuận	Nam	31/07/2001	DLU1192	133	2.85	Khá
6	3119430095	Võ Thị Hoài	Ngọc	Nữ	19/08/2001	DLU1191	133	2.83	Khá

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH CQ (tín chỉ) - Ngành Luật (CN Luật kinh doanh) - K.16 đến K.19 (TNDLU16K)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119430043	Phan Thị Thanh	Hải	Nữ	21/12/2000	DLU1192	133	2.77	Khá
2	3119430018	Nguyễn Kim	Cương	Nữ	20/02/2001	DLU1192	135	2.97	Khá
3	3119430106	Đặng Lâm Tâm	Như	Nữ	02/11/2001	DLU1192	133	3.20	Giỏi
4	3119430086	Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	23/03/2001	DLU1191	135	2.73	Khá
5	3119430126	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	03/05/2001	DLU1191	135	2.79	Khá
6	3119430047	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	Nữ	05/07/2001	DLU1192	133	2.90	Khá
7	3119430191	Phan Như	Ý	Nữ	17/09/2001	DLU1192	133	2.99	Khá
8	3119430097	Dương Ngọc Yến	Nhi	Nữ	14/02/2001	DLU1191	135	2.93	Khá
9	3119430170	Vương Khả	Tú	Nữ	29/03/2000	DLU1192	133	2.89	Khá
10	3119430148	Lê Ngọc Thùy	Tiên	Nữ	16/01/2001	DLU1191	133	2.75	Khá
11	3119430013	Trương Thị Châu	Anh	Nữ	02/07/2001	DLU1191	133	3.04	Khá
12	3119430082	Mã Đức	Minh	Nam	30/03/2001	DLU1191	133	2.66	Khá
13	3119430189	Trần Hoàng Bích	Vy	Nữ	17/12/2001	DLU1192	135	2.76	Khá
14	3119430133	Nguyễn Quốc	Thắng	Nam	07/10/2001	DLU1191	133	3.20	Giỏi

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ DH chính quy (tín chỉ) - Ngành SP Âm nhạc - K.16 đến K.19 (TNDNH116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119160015	Trịnh Thị Kim	Oanh	Nữ	24/06/1997	DNH1191	133	3.71	Xuất sắc

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH chính quy (tín chỉ) - Ngành Quản lý GD - K.16 đến K.19 (TNDQG116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119460002	Nguyễn Phương Huyền	Anh	Nữ	23/08/2001	DQG1191	133	2.95	Khá
2	3119460053	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	28/06/2001	DQG1191	133	3.00	Khá
3	3119460059	Võ Thị Anh	Thy	Nữ	16/04/2001	DQG1191	133	3.35	Giỏi
4	3119460040	Hồ Thị Huỳnh	Như	Nữ	30/09/2001	DQG1191	133	2.80	Khá
5	3119460068	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	Nữ	21/01/2001	DQG1191	133	2.79	Khá
6	3119460019	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	Nữ	03/09/2001	DQG1191	133	3.56	Giỏi

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH chính quy (tín chỉ) - Ngành Quản trị Kinh doanh - K.16 đến K.19 (TNDQK116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119330285	Nguyễn Hồng Như	Ngọc	Nữ	18/06/2001	DQK1197	133	3.09	Khá
2	3119330205	Thiệu Mỹ	Liên	Nữ	01/10/2001	DQK1196	133	3.53	Giỏi
3	3119330238	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	20/05/2001	DQK1196	133	2.76	Khá
4	3119330037	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	29/05/2001	DQK1198	133	2.83	Khá
5	3119330247	Nguyễn Thị My	My	Nữ	31/08/2001	DQK1195	133	2.96	Khá
6	3119330432	Nguyễn Hoàng Minh	Thùy	Nữ	20/02/2001	DQK1199	133	2.65	Khá
7	3119330601	Võ Hồng	Yến	Nữ	16/11/2001	DQK1195	133	3.10	Khá
8	3119330177	Trần Mai Diễm	Hương	Nữ	24/01/2001	DQK1199	133	3.19	Khá
9	3119330558	Võ Uy	Vũ	Nam	10/10/2001	DQK1192	133	2.84	Khá
10	3119330291	Trần Nguyễn Minh	Ngọc	Nam	12/09/2001	DQK1192	133	3.09	Khá
11	3119330021	Nguyễn Khánh Phương	Anh	Nữ	06/06/2001	DQK1192	133	3.12	Khá
12	3119330475	Ngô Gia Thùy	Trang	Nữ	25/03/2001	DQK1198	133	2.98	Khá
13	3119330367	Đặng Chử Lam	Quỳnh	Nữ	31/12/2001	DQK1197	133	3.35	Giỏi
14	3119330574	Phan Thanh	Vy	Nữ	28/02/2001	DQK1198	133	2.79	Khá
15	3119330067	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	16/11/2001	DQK1198	133	3.29	Giỏi
16	3119330209	Đàm Thị Mỹ	Linh	Nữ	02/05/2001	DQK1191	133	3.09	Khá
17	3119330370	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	19/10/2001	DQK1191	133	3.08	Khá
18	3119330240	Trần Thùy Kiều	Minh	Nữ	09/03/2001	DQK1197	133	2.79	Khá
19	3119330407	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	29/03/2001	DQK1195	133	3.31	Giỏi
20	3119330318	Nguyễn Trần Hoàng	Nhi	Nữ	20/04/2001	DQK1199	133	3.08	Khá
21	3119330263	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	16/05/2001	DQK1191	133	3.35	Giỏi
22	3119330417	Võ Thị Kim	Thoa	Nữ	02/01/2001	DQK1195	133	3.26	Giỏi
23	3119330331	Huỳnh Lê Hoài	Như	Nữ	06/02/2001	DQK1192	133	2.68	Khá
24	3119330161	Lê Gia	Huệ	Nữ	05/12/2001	DQK1195	133	3.26	Giỏi
25	3119330257	Lý Triệu	Ngân	Nữ	16/08/2001	DQK1195	133	2.97	Khá
26	3119330198	Võ Thị Thúy	Kiều	Nữ	15/10/2001	DQK1199	133	3.24	Giỏi
27	3119330162	Phan Thế	Hùng	Nam	12/03/2001	DQK1196	135	3.36	Giỏi
28	3119330129	Nguyễn Trương Gia	Hân	Nữ	19/04/2001	DQK1194	133	3.31	Giỏi
29	3119330594	Ma Nguyễn Hồng	Yến	Nữ	09/12/2001	DQK1197	133	3.15	Khá
30	3119330393	Trần Đặng Anh	Thành	Nam	21/11/2001	DQK1194	133	3.19	Khá
31	3119330433	Mai Lệ	Thúy	Nữ	07/09/2001	DQK1191	133	2.95	Khá
32	3119330435	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	24/04/2001	DQK1193	133	2.86	Khá
33	3119330248	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	02/10/2001	DQK1196	133	3.23	Giỏi
34	3119330313	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	Nữ	12/07/2001	DQK1195	133	2.89	Khá
35	3119330593	Lưu Tiểu	Yến	Nữ	11/09/2001	DQK1196	137	3.16	Khá
36	3119330075	Lê Vũ Bình	Dương	Nữ	01/10/2001	DQK1196	133	2.73	Khá
37	3119330425	Huỳnh Thị Như	Thuần	Nữ	10/10/2001	DQK1194	134	3.22	Giỏi
38	3119330232	Lê Thị	Mận	Nữ	12/05/2001	DQK1192	133	3.29	Giỏi
39	3119330551	Phạm Nguyễn Tường	Vi	Nữ	06/12/2001	DQK1194	133	3.09	Khá
40	3119330423	Lê Hồng	Thu	Nữ	12/06/2001	DQK1192	133	3.34	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH chính quy (tín chỉ) - Ngành Quản trị Kinh doanh - K.16 đến K.19 (TNDQK116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
41	3119330374	Trần Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	18/11/2001	DQK1195	133	3.68	Xuất sắc
42	3119330127	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	04/11/2001	DQK1193	133	2.89	Khá
43	3119330142	Ngô Đức	Hiền	Nam	23/04/2001	DQK1197	133	3.37	Giỏi
44	3119330230	Lê Nguyễn Tiểu	Mẫn	Nữ	22/08/2001	DQK1191	133	2.89	Khá
45	3118330194	Tsân Ý	My	Nữ	25/06/2000	DQK1191	132	2.83	Khá
46	3119330008	Trần Thị Thùy	An	Nữ	15/04/2001	DQK1197	133	2.88	Khá
47	3119330507	Võ Lan	Trinh	Nữ	13/02/2001	DQK1195	133	3.42	Giỏi
48	3119330560	Cao Phạm Tường	Vy	Nữ	15/09/2001	DQK1194	133	3.68	Xuất sắc
49	3119330350	Nguyễn Tấn	Phước	Nam	10/05/2001	DQK1198	133	2.53	Khá
50	3119330294	Vũ Thị	Ngọc	Nữ	27/03/2001	DQK1195	133	3.36	Giỏi
51	3119330321	Tổng Thị Yến	Nhi	Nữ	19/05/2001	DQK1193	133	3.08	Khá
52	3119330591	Lê Thị Bảo	Yến	Nữ	20/05/2001	DQK1194	133	3.66	Xuất sắc
53	3119330396	Ngô Thị Thanh	Thanh	Nữ	19/06/2001	DQK1197	133	3.08	Khá
54	3119330216	Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	21/06/2001	DQK1198	133	2.95	Khá
55	3119330194	Trương Tăng	Khương	Nam	05/01/2001	DQK1195	133	3.17	Khá
56	3119330486	Phan Mai Bảo	Trâm	Nữ	02/01/2001	DQK1197	133	3.00	Khá
57	3119330541	Nguyễn Minh Phong	Vân	Nữ	18/04/2001	DQK1194	133	3.31	Giỏi
58	3119330223	Lê Kim	Luyến	Nữ	08/09/2001	DQK1196	133	3.47	Giỏi
59	3119330472	Huỳnh Hoàng Phương	Trang	Nữ	02/08/2001	DQK1195	133	3.07	Khá
60	3119330207	Bùi Thụy Trúc	Linh	Nữ	13/02/2001	DQK1198	133	2.83	Khá
61	3119330269	Trần Bảo	Ngân	Nữ	09/08/2001	DQK1196	133	2.78	Khá
62	3119330246	Nguyễn Hoàng Thảo	My	Nữ	20/02/2000	DQK1194	133	3.41	Giỏi
63	3119330214	Nguyễn Thị Kim	Linh	Nữ	18/10/2001	DQK1196	133	3.11	Khá
64	3119330356	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	05/08/2001	DQK1195	133	3.50	Giỏi
65	3119330056	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	Nữ	31/10/2001	DQK1197	133	3.05	Khá
66	3119330160	Bành Gia	Huệ	Nữ	17/08/2001	DQK1194	133	3.29	Giỏi
67	3119330139	Lê Mai Kim	Hiền	Nữ	11/06/2001	DQK1195	133	3.05	Khá
68	3119330268	Quách Thanh	Ngân	Nữ	29/03/2000	DQK1195	133	2.95	Khá
69	3119330039	Dương Thục	Bình	Nữ	05/04/2001	DQK1191	133	3.47	Giỏi
70	3119330109	Hoàng Thị	Hải	Nữ	02/03/2001	DQK1197	133	2.80	Khá
71	3119330030	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	21/10/2001	DQK1191	133	3.11	Khá
72	3119330528	Nguyễn Thanh	Tuyết	Nữ	16/04/2001	DQK1193	133	3.11	Khá
73	3119330578	Trần Thảo	Vy	Nữ	15/06/2001	DQK1192	133	3.28	Giỏi
74	3119330065	Nguyễn Thanh	Duy	Nam	03/10/2001	DQK1196	133	3.02	Khá
75	3119330167	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	31/01/2001	DQK1191	134	3.30	Giỏi
76	3119330462	Nguyễn Dương Mỹ	Tiên	Nữ	23/03/2001	DQK1195	133	3.11	Khá
77	3119330573	Phạm Thị Kim	Vy	Nữ	28/03/2001	DQK1197	133	3.30	Giỏi
78	3119330317	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	15/09/2001	DQK1198	133	2.91	Khá
79	3119330368	Lương Huệ	Quỳnh	Nữ	31/07/2001	DQK1198	133	3.01	Khá
80	3119330115	Đỗ Thị Thu	Hằng	Nữ	17/11/2001	DQK1192	135	2.93	Khá
81	3119330473	Lê Thị Bảo	Trang	Nữ	19/09/2001	DQK1196	133	2.72	Khá
82	3119330381	Hoàng Thị Thu	Sương	Nữ	20/09/2001	DQK1191	133	3.35	Giỏi
83	3119330271	Trương Thảo	Ngân	Nữ	09/03/2001	DQK1197	133	3.49	Giỏi
84	3119330304	Trần Đắc	Nhật	Nam	12/07/2001	DQK1196	133	3.59	Giỏi
85	3119330406	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	18/03/2001	DQK1194	133	3.36	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ DH chính quy (tín chỉ) - Ngành Quản trị Kinh doanh - K.16 đến K.19 (TNDQK116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
86	3119330121	Phạm Thị Cẩm	Hằng	Nữ	01/04/2001	DQK1197	133	3.05	Khá
87	3119330399	Trương Phương	Thanh	Nữ	26/01/2001	DQK1199	133	3.31	Giỏi
88	3119330592	Lê Thị Phi	Yến	Nữ	04/08/2001	DQK1195	133	3.20	Giỏi
89	3118330358	Bùi Thị Đoan	Trang	Nữ	12/04/2000	DQK1191	132	2.84	Khá
90	3119330262	Nguyễn Thị Huyền	Ngân	Nữ	27/04/2001	DQK1199	133	3.22	Giỏi
91	3119330154	Phạm Thị	Hoài	Nữ	08/01/2000	DQK1198	135	3.24	Giỏi
92	3119330182	Lê Quang	Khang	Nam	10/02/2001	DQK1194	133	2.71	Khá
93	3119330314	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	05/12/2001	DQK1196	133	2.99	Khá
94	3119330044	Trần Thị Thu	Châm	Nữ	16/09/2001	DQK1196	133	3.14	Khá
95	3119330219	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	20/07/2001	DQK1192	133	2.83	Khá
96	3119330372	Phạm Nguyễn Ngọc	Quỳnh	Nữ	02/05/2001	DQK1193	133	3.12	Khá
97	3119330424	Phạm Hạnh Hoài	Thu	Nữ	19/07/2001	DQK1193	133	3.32	Giỏi
98	3119330187	Nguyễn Đức	Khánh	Nam	06/04/2001	DQK1199	134	2.84	Khá
99	3119330323	Trần Vô Song	Nhi	Nữ	05/02/2001	DQK1194	133	2.76	Khá
100	3119330062	Nguyễn Thị Thúy	Dung	Nữ	25/11/2001	DQK1193	133	3.23	Giỏi
101	3119330443	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	02/12/2001	DQK1198	133	3.26	Giỏi
102	3119330467	Phan Trọng	Tín	Nam	18/07/2001	DQK1191	133	2.83	Khá
103	3119330474	Mai Thị Minh	Trang	Nữ	28/12/2001	DQK1197	133	2.80	Khá
104	3119330361	Diệp Thị	Quý	Nữ	15/10/2001	DQK1191	133	3.17	Khá
105	3119330259	Nguyễn Thái Kim	Ngân	Nữ	24/03/2001	DQK1196	133	3.25	Giỏi
106	3119330491	Nguyễn Hoàng	Trân	Nữ	24/08/2001	DQK1192	133	3.36	Giỏi
107	3119330552	Trần Thị Thúy	Vi	Nữ	16/08/2001	DQK1195	133	3.03	Khá
108	3119330108	Đặng Thanh	Hải	Nam	24/10/2001	DQK1196	133	3.29	Giỏi
109	3119330103	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	22/07/2001	DQK1191	133	3.20	Giỏi
110	3119330439	Đỗ Trang Anh	Thư	Nữ	21/02/2001	DQK1196	133	3.10	Khá
111	3119330571	Nguyễn Yến	Vy	Nữ	08/12/2001	DQK1195	133	3.18	Khá
112	3119330352	Nguyễn Thanh	Phương	Nữ	11/03/2001	DQK1191	133	2.82	Khá

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH chính quy (tín chỉ) - Ngành Quản trị văn phòng - K.16 đến K.19 (TNDQV116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119360118	Huỳnh Phạm Minh	Vy	Nữ	20/10/2001	DQV1191	133	3.35	Giỏi
2	3119360017	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	13/12/2001	DQV1192	133	3.24	Giỏi
3	3119360072	Nguyễn Mạnh Mỹ	Phú	Nữ	07/10/2001	DQV1191	133	3.10	Khá
4	3119360038	Võ Ngọc Thùy	Linh	Nữ	19/09/2001	DQV1191	133	3.04	Khá
5	3119360055	Lê Thị	Ngân	Nữ	23/11/2001	DQV1191	133	3.27	Giỏi
6	3119360028	Trần Thị Ngọc	Huyền	Nữ	04/01/2001	DQV1191	133	3.23	Giỏi
7	3119360001	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	Nữ	16/11/2001	DQV1191	138	3.56	Giỏi
8	3119360124	Phùng Thị Ngọc	Yến	Nữ	26/10/2001	DQV1192	133	3.30	Giỏi
9	3119360076	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	30/05/2001	DQV1191	133	3.33	Giỏi
10	3119360096	Trịnh Trúc	Thư	Nữ	25/06/2001	DQV1191	133	3.20	Giỏi
11	3119360062	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	15/01/2001	DQV1192	133	3.18	Khá
12	3119360033	Kiều Thị Bích	Lễ	Nữ	12/03/2001	DQV1192	133	3.02	Khá
13	3119360039	Mai Hà Hoàng	Long	Nam	05/01/2001	DQV1192	133	3.08	Khá
14	3119360008	Lê Thanh	Bình	Nữ	30/12/2001	DQV1192	133	3.12	Khá
15	3119360051	Nguyễn Trà	Mi	Nữ	26/05/2001	DQV1192	133	3.02	Khá
16	3119360117	Hoàng Thị Yến	Vy	Nữ	26/07/2001	DQV1192	133	3.41	Giỏi
17	3119360021	Ngô Ngọc	Hân	Nữ	03/12/2001	DQV1191	136	3.37	Giỏi
18	3119360082	Đào Lê Phương	Thảo	Nữ	20/04/2001	DQV1192	133	3.41	Giỏi
19	3119360003	Phạm Nguyễn Vân	Anh	Nữ	04/03/2001	DQV1191	133	3.15	Khá
20	3119360002	Nguyễn Thị Linh	Anh	Nữ	11/09/2001	DQV1192	133	3.05	Khá
21	3119360045	Nguyễn Ngọc Khánh	Ly	Nữ	05/08/2001	DQV1191	133	3.05	Khá
22	3119360102	Ngô Thanh	Trà	Nữ	01/10/2001	DQV1192	133	3.26	Giỏi
23	3119360079	Nguyễn Thị Hồng	Tâm	Nữ	21/02/2001	DQV1192	133	3.18	Khá

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ DH chính quy - Ngành SP Tiếng Anh - K.18 đến K.19 (TNDSA118)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 135

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119130010	Trần Minh	Anh	Nữ	30/09/2001	DSA1192	136	3.26	Giỏi
2	3119130144	Nguyễn Hoàng Thùy	Trúc	Nữ	02/04/2001	DSA1193	136	3.54	Giỏi
3	3119130002	Lê Trần Ngọc Vân	Anh	Nữ	11/09/2000	DSA1192	136	3.21	Giỏi
4	3119130109	Phạm Hương	Quỳnh	Nữ	03/01/2001	DSA1192	136	3.18	Khá
5	3119130126	Nguyễn Minh	Thi	Nam	15/11/2000	DSA1191	136	3.07	Khá
6	3119130017	Đỗ Mạnh	Dũng	Nam	13/12/2001	DSA1193	136	3.54	Giỏi
7	3119130106	Đỗ Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	09/12/2001	DSA1192	136	3.59	Giỏi
8	3119130131	Lý Thị Thanh	Thùy	Nữ	15/11/2001	DSA1193	136	3.37	Giỏi
9	3119130098	Phan Huy	Phúc	Nam	18/03/2001	DSA1193	136	3.27	Giỏi
10	3119130149	Đàm Ngọc	Tuyền	Nữ	24/02/2001	DSA1192	136	3.51	Giỏi
11	3119130148	Dương Hiền Đình	Tuệ	Nam	19/01/2001	DSA1191	136	3.45	Giỏi
12	3119130036	Hồ Thị Thúy	Hồng	Nữ	06/07/2001	DSA1191	136	3.01	Khá
13	3119130130	Vương Ngọc	Thuận	Nữ	07/07/2001	DSA1192	136	3.30	Giỏi
14	3119130022	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	17/12/2001	DSA1193	136	3.09	Khá
15	3119130138	Thạch Đan	Tiếp	Nam	17/11/2001	DSA1193	136	3.45	Giỏi
16	3119130132	Nguyễn Thị Ngọc	Thùy	Nữ	13/05/2001	DSA1191	136	3.49	Giỏi
17	3119130129	Nguyễn Hoàng	Thơ	Nữ	14/11/2001	DSA1191	136	3.32	Giỏi
18	3119130140	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	16/08/2001	DSA1192	136	3.49	Giỏi
19	3119130025	Nguyễn Trọng	Hà	Nam	25/08/2001	DSA1193	136	2.99	Khá
20	3119130150	Ngô Cát	Tường	Nữ	15/09/2001	DSA1193	136	3.36	Giỏi
21	3119130163	Phạm Ngọc Yến	Vy	Nữ	09/01/2001	DSA1193	136	3.35	Giỏi
22	3119130104	Đieu Ngọc	Quyên	Nữ	18/09/2001	DSA1193	136	3.77	Xuất sắc

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH chính quy (tín chỉ) - Ngành Tâm lý học - K.16 đến K.19 (TNDTL116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119530135	Trần Đoàn Thanh	Vy	Nữ	26/07/2001	DTL1192	133	2.81	Khá
2	3119530105	Nguyễn Thanh	Thúy	Nữ	02/12/2001	DTL1192	133	3.19	Khá
3	3119530096	Trần Kim	Thanh	Nữ	02/04/2001	DTL1191	133	2.96	Khá
4	3119530044	Kiều Diệu	Linh	Nữ	07/05/2001	DTL1191	133	3.05	Khá
5	3119530011	Nguyễn Trung	Chiến	Nam	10/10/2001	DTL1192	135	2.99	Khá
6	3119530029	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	27/01/2001	DTL1191	133	3.06	Khá
7	3119530016	Nguyễn Mỹ	Duyên	Nữ	02/02/2001	DTL1192	133	3.25	Giỏi
8	3119530119	Phạm Hoàng Thanh	Trúc	Nữ	24/01/2001	DTL1191	133	3.35	Giỏi
9	3119530028	Lê Diệu	Hiền	Nữ	20/07/2001	DTL1192	133	3.45	Giỏi
10	3119530114	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	11/04/2001	DTL1191	133	3.35	Giỏi

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ DH CQ (tín chỉ) - Ngành Tài chính Ngân hàng - K.16 đến K.19 (TNDTN116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 131

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119420188	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	25/05/2001	DTN1196	133	2.75	Khá
2	3119420231	Trần Thị Trà	My	Nữ	29/08/2001	DTN1194	133	3.60	Xuất sắc
3	3119420520	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	03/11/2001	DTN1197	133	2.53	Khá
4	3119420085	Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	01/09/2001	DTN1196	135	3.37	Giỏi
5	3119420507	Nguyễn Hương	Trà	Nữ	06/08/2001	DTN1195	139	3.67	Xuất sắc
6	3119420286	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	05/11/2001	DTN1193	133	2.83	Khá
7	3119420291	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	Nữ	08/12/2001	DTN1198	133	3.23	Giỏi
8	3119420385	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	10/09/2001	DTN1199	136	3.35	Giỏi
9	3119420009	Mai Quế	Anh	Nữ	29/04/2001	DTN1199	133	2.81	Khá
10	3119420127	Tổng Thế	Huy	Nam	22/08/2001	DTN1192	133	3.23	Giỏi
11	3119420570	Bùi Thị	Tuyết	Nữ	10/10/2001	DTN11910	133	2.86	Khá
12	3119420485	Trần Thị	Thương	Nữ	03/07/2001	DTN1197	133	2.53	Khá
13	3119420528	Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	26/07/2001	DTN1194	133	3.41	Giỏi
14	3119420015	Vũ Hoàng Lan	Anh	Nữ	23/07/2001	DTN1194	133	2.44	Trung bình
15	3119420012	Trần Cao Phương	Anh	Nữ	20/10/2001	DTN1191	133	2.64	Khá
16	3119420156	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	16/05/2001	DTN1199	133	3.24	Giỏi
17	3119420079	Võ Thụy Bảo	Hạnh	Nữ	03/06/2001	DTN1191	133	2.57	Khá
18	3119420199	Lê Quý	Lộc	Nam	19/02/2001	DTN1197	133	2.98	Khá
19	3119420217	Bùi Thị Ngọc	Mến	Nữ	20/06/2001	DTN1191	133	3.52	Giỏi
20	3119420087	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	21/01/2001	DTN1198	133	2.72	Khá
21	3119420314	Võ Thị Hoàng	Nhi	Nữ	12/05/2001	DTN1198	133	3.02	Khá
22	3119420630	Nguyễn Thị Phương	Yến	Nữ	15/11/2001	DTN1199	133	2.90	Khá
23	3119420522	Võ Thị Phương	Trang	Nữ	15/10/2001	DTN1199	133	3.00	Khá
24	3119420477	Võ Phan Đoàn	Thư	Nữ	26/07/2001	DTN1199	133	2.92	Khá
25	3119420594	Nguyễn Chí	Vĩnh	Nam	07/04/2001	DTN1199	133	3.35	Giỏi
26	3119420331	Phạm Ngọc Khánh	Như	Nữ	16/05/2001	DTN1193	133	2.79	Khá
27	3119420205	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	12/06/2000	DTN1192	133	2.77	Khá
28	3119420244	Lâm Thùy	Ngân	Nữ	28/12/2001	DTN1197	133	3.38	Giỏi
29	3119420483	Trần Ngọc	Thương	Nữ	08/12/2001	DTN1195	133	3.56	Giỏi
30	3119420148	Ngô Thị Xuân	Hương	Nữ	20/08/2001	DTN1192	133	2.93	Khá
31	3119420259	Trần Thảo	Ngân	Nữ	04/03/2001	DTN11910	133	3.56	Giỏi
32	3119420613	Võ Lê Tường	Vy	Nữ	03/01/2001	DTN1195	133	2.97	Khá
33	3119420268	Huỳnh Thị Hồng	Ngọc	Nữ	29/09/2001	DTN1199	133	2.51	Khá
34	3119420512	Ngô Kiều	Trang	Nữ	19/01/2001	DTN11910	133	3.14	Khá
35	3119420267	Huỳnh Bội	Ngọc	Nữ	28/10/2000	DTN1198	133	3.11	Khá
36	3119420056	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	19/04/2001	DTN11910	133	2.50	Khá
37	3119420468	Huỳnh Nguyễn Anh	Thư	Nữ	28/04/2001	DTN1192	133	3.32	Giỏi
38	3119420243	Hồ Thị Thanh	Ngân	Nữ	03/07/2001	DTN1196	133	3.30	Giỏi
39	3119420429	Lý Hữu	Thắng	Nam	03/03/2001	DTN1198	136	3.36	Giỏi
40	3119420465	Đoàn Minh	Thư	Nữ	31/03/2001	DTN11910	133	3.31	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ DH CQ (tín chỉ) - Ngành Tài chính Ngân hàng - K.16 đến K.19 (TNDTN116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 131

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
41	3119420320	Nguyễn Thị Kim	Nhung	Nữ	07/04/2001	DTN1194	133	2.41	Trung bình
42	3119420234	Trần Ngoạn	Mỹ	Nữ	19/02/2001	DTN1197	133	2.61	Khá
43	3119420210	Lưu Thị Tuyết	Mai	Nữ	18/07/2001	DTN1196	133	3.39	Giỏi
44	3119420407	Nguyễn Chí	Thanh	Nam	03/01/2001	DTN1198	133	2.40	Trung bình
45	3119420164	Phan Quốc	Khánh	Nam	26/02/2001	DTN1196	133	3.12	Khá
46	3119420319	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	08/10/2001	DTN1193	133	2.77	Khá
47	3119420324	Lê Thị Xuân	Như	Nữ	10/03/2001	DTN1196	133	2.95	Khá
48	3119420255	Phạm Cao Kim	Ngân	Nữ	13/10/2000	DTN1196	133	3.06	Khá
49	3119420257	Phùng Ngọc Tuyết	Ngân	Nữ	09/05/2001	DTN1198	133	2.29	Trung bình
50	3119420098	Trần La Ngọc	Hân	Nữ	22/01/2001	DTN1198	133	2.65	Khá
51	3119420294	Bùi Thị Yến	Nhạn	Nữ	28/08/2001	DTN1191	133	3.20	Giỏi
52	3119420132	Đoàn Khánh	Huyền	Nữ	20/08/2001	DTN1197	133	2.52	Khá
53	3119420413	Huỳnh Thị Ngọc	Thảo	Nữ	13/07/2001	DTN1194	133	2.83	Khá
54	3119420089	Đặng Vũ Hồng	Hân	Nữ	29/12/2000	DTN11910	133	3.32	Giỏi
55	3119420195	Vũ Hồng Mai	Linh	Nữ	12/06/2001	DTN1193	133	2.86	Khá
56	3119420503	Nguyễn Trí	Tín	Nam	24/01/2001	DTN1193	133	2.45	Trung bình
57	3119420139	Trần Mỹ Lê	Huyền	Nữ	24/07/2001	DTN1194	133	3.27	Giỏi
58	3119420533	Phan Thị Ngọc	Trần	Nữ	28/06/2001	DTN1199	133	3.38	Giỏi
59	3119420545	Nguyễn Thị Thu	Trúc	Nữ	28/05/2001	DTN1199	133	3.05	Khá
60	3119420535	Nguyễn Minh	Triết	Nam	01/11/2001	DTN1191	133	3.17	Khá
61	3119420158	Nguyễn Minh	Hy	Nữ	09/03/2001	DTN1191	133	2.68	Khá
62	3119420155	Vũ Thị Thanh	Hương	Nữ	22/03/2001	DTN1198	133	3.32	Giỏi
63	3119420576	Trương Nguyễn Thu	Uyên	Nữ	17/11/2001	DTN1196	133	2.65	Khá
64	3119420336	Bùi Vân	Oanh	Nữ	16/07/2001	DTN1196	133	2.84	Khá
65	3119420182	Đoàn Thị Thùy	Linh	Nữ	11/08/2000	DTN1191	133	3.40	Giỏi
66	3119420378	Lục Thị Mỹ	Quyên	Nữ	16/09/2001	DTN1193	133	3.27	Giỏi
67	3119420042	Ngô Lý Khánh	Dân	Nữ	21/11/2001	DTN1199	133	3.30	Giỏi
68	3119420149	Nguyễn Thị Minh	Hương	Nữ	30/05/2001	DTN1193	133	2.90	Khá
69	3119420598	Đinh Thị Tường	Vy	Nữ	10/11/2001	DTN1193	133	3.55	Giỏi
70	3119420551	Nguyễn Thị Mộng	Truyền	Nữ	09/04/2001	DTN1195	133	2.50	Khá
71	3119420093	Mai Thị Ngọc	Hân	Nữ	10/12/2001	DTN1193	133	3.29	Giỏi
72	3119420565	Đông	Tuyền	Nữ	28/04/2001	DTN1196	133	2.90	Khá
73	3119420541	Châu Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	10/11/2001	DTN1196	133	2.62	Khá
74	3119420495	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	Nữ	25/04/2001	DTN1196	133	2.77	Khá
75	3119420560	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	20/02/2001	DTN1191	133	3.73	Xuất sắc
76	3119420529	Đoàn Thị Huyền	Trần	Nữ	19/04/2001	DTN1195	133	2.53	Khá
77	3119420002	Nguyễn Thị Mỹ	An	Nữ	20/12/2001	DTN1192	133	3.23	Giỏi
78	3119420112	Nguyễn Mỹ	Hoa	Nữ	30/08/2001	DTN11910	133	3.25	Giỏi
79	3119420399	Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	18/10/2001	DTN1191	133	3.19	Khá
80	3119420440	Từ Hoàng	Thông	Nam	14/04/2001	DTN1197	133	2.65	Khá
81	3119420153	Trần Mỹ	Hương	Nữ	28/04/2001	DTN1196	133	3.30	Giỏi
82	3119420509	Đỗ Thị Thu	Trang	Nữ	10/10/2001	DTN1197	133	2.76	Khá
83	3119420330	Phạm Hoàng Lâm	Như	Nữ	15/12/2001	DTN1192	133	2.84	Khá
84	3119420626	Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	03/03/2001	DTN1195	133	2.65	Khá
85	3119420492	Lê Thị Cẩm	Tiên	Nữ	30/08/2001	DTN1193	133	3.20	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ DH CQ (tín chỉ) - Ngành Tài chính Ngân hàng - K.16 đến K.19 (TNDTN116)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 131

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
86	3119420355	Nguyễn Trần Tuyết	Phụng	Nữ	14/11/2001	DTN1194	133	2.68	Khá
87	3119420045	Nguyễn Thị Mai	Diễm	Nữ	27/06/2001	DTN1192	133	2.70	Khá
88	3119420014	Trần Thị Minh	Anh	Nữ	29/10/2001	DTN1193	133	2.89	Khá
89	3119420185	Hồ Huệ	Linh	Nữ	06/11/2001	DTN1193	133	2.81	Khá
90	3119420260	Trần Thị Cẩm	Ngân	Nữ	08/05/2001	DTN1191	133	3.71	Xuất sắc
91	3119420017	Trần Thị Kim	Ánh	Nữ	22/04/2001	DTN1196	133	2.86	Khá
92	3119420521	Võ Huỳnh Thanh	Trang	Nữ	08/06/2001	DTN1198	133	3.26	Giỏi
93	3119420464	Đình Thụy Vân	Thư	Nữ	07/01/2001	DTN1199	133	2.91	Khá
94	3119420580	Lê Thị Thảo	Vân	Nữ	11/08/2001	DTN1199	133	3.05	Khá
95	3119420223	Cao Thị Dâng	My	Nữ	10/05/2001	DTN1197	133	2.62	Khá
96	3119420274	Nguyễn Thanh	Ngọc	Nữ	15/04/2001	DTN1194	133	2.67	Khá
97	3119420193	Trương Hoàng Trúc	Linh	Nữ	26/09/2001	DTN1191	133	2.86	Khá
98	3119420252	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	02/08/2001	DTN1194	133	3.15	Khá
99	3119420249	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	28/01/2001	DTN1192	133	3.23	Giỏi
100	3119420218	Phạm Thị Kiều	Mi	Nữ	26/10/2001	DTN1192	133	2.93	Khá
101	3119420233	Huỳnh Thị	Mỹ	Nữ	21/01/2001	DTN1196	133	3.19	Khá
102	3119420101	Nguyễn Thị Kim	Hậu	Nữ	13/05/2001	DTN1191	133	3.04	Khá
103	3119420253	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	Nữ	08/09/2001	DTN1195	133	3.44	Giỏi
104	3119420258	Trần Kim	Ngân	Nữ	17/09/2001	DTN1199	133	3.23	Giỏi
105	3119420305	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	11/11/2001	DTN1191	133	2.87	Khá
106	3119420190	Phan Thị	Linh	Nữ	17/01/2001	DTN1198	133	3.62	Xuất sắc
107	3119420007	Lê Thị Quỳnh	Anh	Nữ	15/07/2001	DTN1197	133	2.44	Trung bình
108	3119420013	Trần Ngọc	Anh	Nữ	27/08/2001	DTN1192	133	3.00	Khá
109	3119420597	Dư Ngọc Thiên	Vy	Nữ	24/10/2001	DTN1192	133	3.23	Giỏi
110	3119420538	Nguyễn Thị Diễm	Trình	Nữ	11/12/2001	DTN1193	133	3.22	Giỏi
111	3119420163	Phan Nguyễn Quốc	Khang	Nam	29/11/2000	DTN1195	133	3.20	Giỏi
112	3119420265	Nguyễn Văn	Nghị	Nam	29/09/2001	DTN1196	133	2.89	Khá
113	3119420230	Phạm Thị Trà	My	Nữ	12/03/2001	DTN1193	133	2.53	Khá
114	3119420611	Trần Huỳnh Nữ	Vy	Nữ	03/07/2001	DTN1193	133	2.87	Khá
115	3119420117	Liêu Huỳnh Thị Tú	Hoàng	Nữ	27/02/2001	DTN1194	133	3.35	Giỏi
116	3119420327	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	Nữ	14/02/2001	DTN1199	133	2.65	Khá
117	3119420283	Huỳnh Thảo	Nguyên	Nữ	18/03/2001	DTN11910	133	3.32	Giỏi
118	3119420281	Vũ Bích	Ngọc	Nữ	01/01/2001	DTN1199	133	2.84	Khá
119	3119420383	Ngô Trần Thúy	Quỳnh	Nữ	05/02/2001	DTN1197	133	3.14	Khá
120	3119420457	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	06/06/2001	DTN1192	133	2.62	Khá
121	3119420587	Lưu Thị Triệu	Vi	Nữ	14/07/2001	DTN1194	133	2.88	Khá
122	3119420083	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	Nữ	08/10/2001	DTN1195	133	3.34	Giỏi

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ DH chính quy - Ngành SP Toán - K.18 đến K.19 (TNDTO118)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 135

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119010003	Phan Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	28/09/2001	DTO1191	138	3.16	Khá
2	3119010030	Huỳnh Thị Ngọc	Nhi	Nữ	11/09/2001	DTO1191	136	3.57	Giỏi
3	3119010052	Phạm Minh	Trí	Nam	06/08/2001	DTO1191	136	2.92	Khá

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ DH chính quy (tín chỉ) - Ngành Thông tin - Thư viện - K.18 đến K.19 (TNDTT118)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 133

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119390057	Nguyễn Ngọc	Như	Nữ	11/06/2001	DTT1191	135	2.79	Khá
2	3119390085	Đắc Thị	Thùy	Nữ	14/08/2001	DTT1191	135	2.79	Khá
3	3119390065	Nguyễn Cao Hồng	Phụng	Nữ	16/10/2001	DTT1191	138	3.41	Giỏi
4	3119390055	Nguyễn Thị Kim	Nhung	Nữ	23/11/2001	DTT1191	135	2.93	Khá
5	3119390078	Trần Thiện	Thanh	Nam	18/05/2001	DTT1191	136	3.43	Giỏi

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH CQ (tín chỉ) - Ngành Toán ứng dụng (CN Kinh tế định lượng) - K.16 đến K.19 (TNDTU16K)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119480050	Trần Ngọc Phương	Nhi	Nữ	14/02/2001	DTU1192	136	3.17	Khá
2	3119480037	Trần Quang	Lộc	Nam	14/02/2001	DTU1191	136	2.99	Khá

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (DỰ KIẾN)

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Hệ ĐH CQ (tín chỉ) - Ngành Toán ứng dụng (CN Toán tin ứng dụng) - K.16 đến K.19 (TNDTU16T)

Kèm theo Quyết định

Ký ngày

Số tín chỉ tích lũy chung 132

Điểm trung bình tích lũy 2.0

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Phái	Ngày sinh	Mã lớp	TC TL	ĐTBTN	Xếp loại
1	3119480091	Võ Thị Thùy	Trang	Nữ	01/02/2001	DTU1192	133	2.64	Khá
2	3119480082	Phan Minh	Thương	Nữ	13/08/2001	DTU1191	133	2.33	Trung bình

TP.HCM, Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu